

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 37/NTH/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm.

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần NutriHealth

Địa chỉ: Đường D1, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0916361168

E-mail: nutrihealthjsc@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0901092888

Số Giấy chứng nhận ISO 22000: 2018: số HA 338 Ngày cấp: 21/05/2024. Nơi cấp: Viện nghiên cứu phát triển tiêu chuẩn chất lượng.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Bone Care TT

2. Thành phần trong 100g sản phẩm:

Sữa Bột, Hỗn hợp Chất béo thực vật, Maltodextrin, Isomalt, Đạm đậu nành tinh chế, Đạm whey cô đặc, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Các Vitamin và khoáng chất (Vitamin C, Vitamin E, Vitamin B5, Vitamin B3, Vitamin B2, Vitamin B1, Vitamin B6, Vitamin A, Acid Folic (B9), Vitamin K1, Vitamin K2, Biotin, Vitamin D3, Vitamin B12, Canxi, Phospho, Clorid, Magie, Natri, Sắt, Kẽm, Đồng, Iod, Mangan, Selen), Chiết xuất vẹm xanh, Glucosamin sunfate, Sụn vi cá mập, Aquamin F (32% Canxi), Lysine, Cholin, Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD xem trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách đóng gói

- Đóng lon: 200g, 250g, 300g/ lon, 320g/ lon, 350g/ lon, 400g/ lon, 800g/ lon, 820g/ lon, 850g/ lon, 900g/ lon.

- Đóng túi: 5g, 10g, 15g, 20g, 25g, 35g, 50g, 100g, 150g, 200g, 250g, 500g, 1000g.

- Quy cách đóng gói có thể thay đổi phụ thuộc vào nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

4.2. Chất liệu bao bì :

- Sản phẩm được đóng trong hộp thiếc phù hợp theo QCVN 12-3:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- Nắp nhựa, thìa nhựa được sản xuất từ nhựa PP (polypropylene) phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: **Công ty cổ phần NutriHealth**

Địa chỉ: Đường D1, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0916361168

E-mail : nutrihealthjsc@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0901092888

Số Giấy chứng nhận ISO 22000: 2018: số **HA 338** Ngày cấp: 21/05/2024. Nơi cấp: Viện nghiên cứu phát triển tiêu chuẩn chất lượng.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu dự thảo nhãn sản phẩm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 của Quốc Hội;
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa;
- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 43/2017/NĐ-CP của Chính Phủ về nhãn hàng hóa;
- Thông tư hợp nhất của Bộ Y tế về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Thông tư số hợp nhất của Bộ Y tế Quy định về quản lý thực phẩm chức năng.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.



- QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-3:2011/BYT của Bộ Y tế Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 37/2024/TCSX/NTH và một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc đảm bảo ATTP theo quy định hiện hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Hưng Yên, ngày 03 tháng 06 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ds. Hà Văn Lâm

BẢN TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT

Số: 37/2024/TCSX/NTH.

I. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm.

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần NutriHealth

Địa chỉ: Đường D1, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0916361168

E-mail: nutrihealthjsc@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0901092888

Số Giấy chứng nhận ISO 22000: 2018: số HA 338 Ngày cấp: 21/05/2024. Nơi cấp: Viện nghiên cứu phát triển tiêu chuẩn chất lượng.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Bone Care TT.

2. Chỉ tiêu cảm quan.

TT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng bột, đồng nhất, không vón cục, không lẫn tạp chất lạ.
2	Màu sắc	Từ màu trắng sữa đến vàng nhạt đồng đều.
3	Mùi vị	Thơm ngon, đặc trưng của sản phẩm.

3. Thành phần trong 100g sản phẩm:

Sữa Bột, Hỗn hợp Chất béo thực vật, Maltodextrin, Isomalt, Đạm đậu nành tinh chế, Đạm whey cô đặc, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Các Vitamin và khoáng chất (Vitamin C, Vitamin E, Vitamin B5, Vitamin B3, Vitamin B2, Vitamin B1, Vitamin B6, Vitamin A, Acid Folic (B9), Vitamin K1, Vitamin K2, Biotin, Vitamin D3, Vitamin B12, Canxi, Phospho, Clorid, Magie, Natri, Sắt, Kẽm, Đồng, Iod, Mangan, Selen), Chiết xuất vẹm xanh, Glucosamin sunfate, Sụn vi cá mập, Aquamin F (32% Canxi), Lysine, Cholin, Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani).

4. Thông tin dinh dưỡng:

TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TRONG 100g
Năng lượng	Kcal	372.91
Carbohydrate	g	65.75
Đường tổng số	g	8.82
Isomalt	g	5
Chất béo	g	9.08
Chất đạm	g	7.05
Lysine	mg	60
Cholin	ng	40
Glucosamin Sunfate	mg	300
Sụn Vi cá mập	mg	200
Chiết xuất vẹm xanh	mg	100
Chất xơ (FOS/Inulin)	mg	1000
Vitamin		
Vitamin C	mg	34.96
Vitamin E	mg	3.32
Vitamin B5	µg	2236.7
Vitamin B3	µg	1350
Vitamin B2	µg	508.7
Vitamin B1	µg	486.3
Vitamin B6	µg	482.5
Vitamin A	µg	352.95
Acid Folic (B9)	µg	138
Vitamin K1	µg	25
Vitamin K2	µg	20
Biotin	µg	6.8
Vitamin D3	µg	5.39
Vitamin B12	µg	1.14
Khoáng chất		
Canxi	mg	576

TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	TRONG 100g
Aquamin F	mg	100
Phospho	mg	288
Clorid	mg	54.62
Magie	mg	48
Natri	mg	35.38
Sắt	mg	5.04
Kẽm	mg	3.92
Đồng	µg	130
Iod	µg	82
Mangan	µg	11
Selen	µg	8

Các chỉ tiêu trên sản phẩm có giá trị tối thiểu 80% giá trị được công bố.

Hàm lượng vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02. Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Giới hạn về độc tố vi nấm.

Theo QCVN 8-1:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

5.2. Giới hạn về kim loại nặng.

Theo QCVN 8-2:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

5.3. Giới hạn về vi sinh vật.

Theo: QCVN 8-3:2011/BYT của Bộ Y tế về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

5.4. Giới hạn về phụ gia thực phẩm.

Thông tư 08/VBHN-BYT của Bộ Y tế về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

5.5. Giới hạn về Melamin.

Theo Quyết định 38/2008/QĐ-BYT của Bộ Y tế Quy định mức giới hạn tối đa melamin nhiễm chéo trong thực phẩm.

5.6. Các chỉ tiêu khác:

- **Dư lượng thuốc thú y:** Theo Thông tư 24/2013/TT-BYT của Bộ Y tế Ban hành quy định mức gián hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm.
- **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Theo Thông tư 50/2016/TT-BYT của Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm.

6. Đối tượng sử dụng:

Sản phẩm dành cho người cần tăng cường chức năng xương khớp, người cần bổ sung canxi, dùng được cho người tiểu đường. Người từ 18 tuổi trở lên.

7. Hướng dẫn sử dụng:

Một muỗng gạt ngang (tương đương 9,5g) pha với 50ml nước được 1 ly khoảng 52ml		
Lượng bột (Muỗng)	Lượng nước (ml)	Số lần ăn / 24h
4	200	2-3

- (1) Rửa tay, rửa dụng cụ pha thật sạch.
- (2) Tiệt trùng hoặc đun sôi các dụng cụ pha trong 10 phút.
- (3) Đun sôi nước, sau đó để nước nguội xuống khoảng 40-50°C.
- (4) Thêm từ từ bột vào lượng nước theo hướng dẫn.
- (5) Khuấy đều cho đến khi sản phẩm tan hoàn toàn.

LƯU Ý: Để nguội đến khi nhiệt độ thích hợp rồi sử dụng. Không pha trực tiếp vào nước sôi.

8. Thời hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD xem trên bao bì sản phẩm. Không sử dụng quá 4 tuần kể từ ngày mở nắp hộp.

9. Quy cách đóng gói:

9.1. Quy cách đóng gói.

- Đóng lon: 200g, 250g, 300g/ lon, 320g/ lon, 350g/ lon, 400g/ lon, 800g/ lon, 820g/ lon, 850g/ lon, 900g/ lon.
- Đóng túi: 5g, 10g, 15g, 20g, 25g, 35g, 50g, 100g, 150g, 200g, 250g, 500g, 1000g.
- Quy cách đóng gói có thể thay đổi phụ thuộc vào nhu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

9.2. Chất liệu bao bì:

- Sản phẩm được đóng trong hộp thiếc phù hợp theo QCVN 12-3:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

- Nắp nhựa, thìa nhựa được sản xuất từ nhựa PP (polypropylene) phù hợp theo QCVN 12-1:2011/BYT ngày 30/8/2011 của Bộ Y tế quy định về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

10. Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản sản phẩm ở nơi khô sạch, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

11. Lưu ý sử dụng:

- Sản phẩm được pha xong nên uống ngay hoặc dùng hết trong vòng 1 giờ.
- Đóng nắp cẩn thận sau mỗi lần sử dụng tránh các loại côn trùng xâm nhập vào sản phẩm.
- Nên sử dụng sản phẩm trước khi hết hạn sử dụng và sử dụng hết trong vòng 30 ngày sau khi mở nắp lon.

Hưng Yên, ngày 03 tháng 06 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Ds. Hà Văn Lâm



THÔNG TIN DINH DƯỠNG			
Thành phần	Đơn vị	Trong 100g	
Mã số lượng			
Carbohydrate	g	65.75	
Đường tổng số	g	8.82	
Isomalt	g	5	
Chất béo	g	9.08	
Chất đạm	g	7.05	
Lysine	mg	60	
Choline	mg	40	
Glucosamin Sulfate	mg	300	
Sun vi cá mập	mg	200	
Chất xuất vệt xanh	mg	100	
Chất xơ (FOS/inulin)	mg	1000	
Vitamin			
Vitamin C	mg	34.96	
Vitamin E	mg	3.32	
Vitamin B5	µg	2236.7	
Vitamin B3	µg	1350	
Vitamin B2	µg	508.7	
Vitamin B1	µg	486.3	
Vitamin B6	µg	482.5	
Vitamin A	µg	352.95	
Acid Folic (B9)	µg	138	
Vitamin K1	µg	25	
Vitamin K2	µg	20	
Biotin	µg	6.8	
Vitamin D3	µg	5.39	
Vitamin B12	µg	1.14	
Mineral chất			
Canxi	mg	576	
Aquamin F	mg	100	
Phospho	mg	288	
Clorid	mg	54.62	
Magie	mg	48	
Natri	mg	35.38	
Sắt	mg	5.04	
Kẽm	mg	3.92	
Đồng	µg	130	
Iod	µg	82	
Mangan	µg	11	
Selen	µg	8	

Ghi chú: dinh dưỡng đạt tối thiểu 80% giá trị trên nhãn

Nguyên liệu SỮA BỘT
nhập khẩu từ NEW ZEALAND

Thực phẩm bổ sung

BONECARE

Aquamin F
Sụn vi cá mập

Calcium
Vitamin D3



- GLUCOSAMIN SULFATE, SUN VI CÁ MẬP:
Phòng ngừa và hỗ trợ chống viêm xương khớp
- CANXI, D3, MK2:
Giúp xương chắc khỏe, ngừa loãng xương
- POLYOLS (ISOMALTY/ERYTHRYTOL):
Giúp kiểm soát tốt đường huyết

SẢN PHẨM DÀNH CHO NGƯỜI CẦN TĂNG CƯỜNG CHỨC NĂNG XƯƠNG KHỚP,
NGƯỜI CẦN BỔ SUNG CANXI, DÙNG ĐƯỢC CHO NGƯỜI TIỂU ĐƯỜNG,
NGƯỜI TỪ 18 TUỔI TRỞ LÊN.

eNet - 900G

THÀNH PHẦN TRONG 100g SẢN PHẨM:
Sữa Bột, Hỗn hợp Chất béo thực vật, Maltodextrin, Isomalt, Đạm đậu nành tinh chế, Đạm whey cô đặc, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Các Vitamin và khoáng chất (Vitamin C, Vitamin E, Vitamin B5, Vitamin B3, Vitamin B2, Vitamin B1, Vitamin B6, Vitamin A, Acid Folic (B9), Vitamin K1, Vitamin K2, Biotin, Vitamin D3, Vitamin B12, Canxi, Phospho, Clorid, Magie, Natri, Sắt, Kẽm, Đồng, Iod, Mangan, Selen), Chiết xuất vệt xanh, Glucosamin sulfate, Sụn vi cá mập, Aquamin F (32% Canxi), Lysine, Cholin, Hương tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương vani).

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:
Sản phẩm dành cho người cần tăng cường chức năng xương khớp, người cần bổ sung canxi, dùng được cho người tiểu đường. Người từ 18 tuổi trở lên.

HẠN SỬ DỤNG:
24 tháng kể từ ngày sản xuất.
Ngày sản xuất: Xem dưới đáy lon.

- GLUCOSAMIN SULFATE, SUN VI CÁ MẬP:
Phòng ngừa và hỗ trợ chống viêm xương khớp
- CANXI, D3, MK2:
Giúp xương chắc khỏe, ngừa loãng xương
- POLYOLS (ISOMALTY/ERYTHRYTOL):
Giúp kiểm soát tốt đường huyết



BẢO QUẢN:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon đã được mở phải được đậy nắp kín và sử dụng tốt nhất trong vòng 30 ngày.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

1 thìa gạt (tương đương 10g) pha với 50ml nước 1 ly - 52ml			
Lượng bột (Thìa)	4	Lượng nước (ml)	200
		Số lần ăn / Ngày	2-3

NGUYÊN LIỆU SỮA BỘT NHẬP KHẨU TỪ NEW ZEALAND

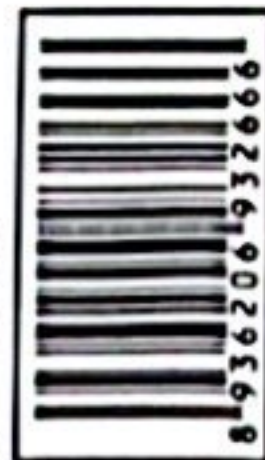
HƯỚNG DẪN PHA:

1. Rửa tay, rửa dụng cụ pha thật sạch.
2. Tiệt trùng hoặc đun sôi các dụng cụ pha trong 10 phút.
3. Đun sôi nước, sau đó để nước nguội xuống khoảng 40-50°C.
4. Thêm từ từ bột vào lượng nước theo hướng dẫn.
5. Khuấy đều cho đến khi sản phẩm tan hoàn toàn.

LƯU Ý: Để nguội đến nhiệt độ thích hợp rồi sử dụng. Không pha trực tiếp vào nước sôi.



Phân phối bởi:
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ THƯỜNG THỊNH PHARMA
Địa chỉ: 157 Đường 3 tháng 2, Khu phố 4, Phường Phước Hưng,
Thị trấn Phố Mới, Thị trấn Phố Mới, Tỉnh Hưng Yên
Thương nhân công nghệ, sản xuất và phân phối thuốc và sản phẩm:
CÔNG TY CỔ PHẦN NUTRIHEALTH
Địa chỉ: Đường D1, Khu công nghiệp Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ,
Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên



BN: 240528-005/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 24051153

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Analytical Results



Tên mẫu/ Sample name: Thực phẩm bổ sung Bone Care TT
Khách hàng/ Client : CÔNG TY CỔ PHẦN NUTRIHEALTH
Địa chỉ /Address : Đường D1, KCN Yên Mỹ II, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên
Mô tả mẫu /Sample description: Mẫu dạng bột đựng trong hộp thiếc kín
Nền mẫu /Matrix : Thực phẩm bổ sung Bone Care TT
Số lượng mẫu/ Number of sample: 01
Ngày nhận mẫu/Date of sample received : 28/05/2024
Ngày hẹn trả kết quả/ Date of results delivery: 03/06/2024

Mã số mẫu/ Sample ID	Chỉ tiêu phân tích/ Parameters	Kết quả/ Result	LOD	Đơn vị/ Unit	Phương pháp/ Test method
24051153	Arsen/Arsenic (As) ^(*) (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Cadimi/Cadmium (Cd) ^(*) (b)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thủy ngân/Mercury (Hg) ^(*) (b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Chì/Lead (Pb) ^(*) (b)	KPH	0.02	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thiếc/Tin (Sn)	KPH	0.05	mg/kg	Ref. AOAC 2015.01
	Aflatoxin M ₁	KPH	0.025	µg/kg	Ref. EN 15662-2018
	Melamin	KPH	1.0	mg/kg	Ref. TCVN 9048-2012
	Enterobacteriaceae ^(*) (b)	< 10	-	CFU/g	ISO 21528-2:2017
	Staphylococci dương tính với coagulase ^(*) (b)	< 10	-	CFU/g	TCVN 4830-1:2005
	Listeria monocytogenes	< 10	-	CFU/g	TCVN 7700-2:2007
	Salmonella spp. ^(*) (b)	KPH	-	/25g	TCVN 10780-1:2017

BN: 240528-005/TTSG

Mã số mẫu / Sample ID: 24051153

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analytical Results

Ghi chú/Note :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên / The results only valid for the sample encoded as above
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / The results shall not be reproduced except in full , without the written approval of the director
- (*) Phương pháp được Vilas công nhận / The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)
- (a) Kết quả do nhà thầu phụ thực hiện / The parameters tested by subcontractor
- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế / Lab approved by Ministry of Health
- LOD: Giới hạn phát hiện / Limit of detection. KPH : Không phát hiện / Not detected
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g hoặc nhỏ hơn 1 CFU/ml khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa / According to the test method, the result of microbiology is expressed as less than 10 CFU/g or less than 1 CFU/ml when the dish contains no colony
- Theo phương pháp thử, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 MPN/g hoặc MPN/ml nghĩa là không có phản ứng cho thấy sự phát triển của vi sinh vật đích trong môi trường nuôi cấy / According to the test method, the result of microbiology is expressed 0 MPN/g or MPN/ml as there is not reaction indicated growth of target microorganism in culture medium.
- Đối với chất lượng của nước, kết quả vi sinh được biểu thị là 0 nghĩa là không có phát hiện khuẩn lạc trong thể tích mẫu được phân tích / Water quality, the result of microbiology is expressed 0 as not detected colony in the sample volume tested.

Phụ trách phòng thí nghiệm
Officer in charge of laboratory

Thái Huỳnh Thục



TS. Phạm Kim Phương